

Số: 41 /2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH)

1. Sửa đổi một số nội dung của Điều 3 như sau:

- a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “khả năng” bằng cụm từ “năng lực”;
- b) Tại khoản 2, sửa đổi các số kiểu chữ số La Mã là I, II, III, IV, V bằng kiểu chữ số Ả Rập tương ứng là 1, 2, 3, 4, 5.

2. Sửa đổi cụm từ “và năm cấp chứng chỉ” bằng cụm từ “, năm cấp chứng chỉ và loại chứng chỉ (cấp mới, cấp lại hoặc đổi)” tại khoản 1 Điều 4.

3. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 6 như sau:

- a) Bỏ cụm từ “công nhận và” tại tên Điều và khoản 1;
- b) Bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó” tại điểm b khoản 1;
- c) Bãi bỏ khoản 2.

4. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 7 như sau:

- a) Tại khoản 1, bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó”;
- b) Bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu” tại khoản 2.

5. Sửa đổi và bỏ một số nội dung của Điều 8 như sau:

- a) Bỏ cụm từ “do người được cấp chứng chỉ có sự thay đổi, cải chính hộ tịch” tại khổ văn đầu tiên của Điều;
- b) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Mẫu 02, Phụ lục 05” bằng cụm từ “Mẫu 03 Phụ lục 04” và bổ sung cụm từ “(ảnh chụp trong vòng 6 tháng)” sau cụm từ “của người đó”;
- c) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu”;
- d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi một số nội dung ghi trên chứng chỉ đã cấp, đề nghị nộp bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi hoặc bản chụp giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi kèm theo xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp trực tiếp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Đối với đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động đạt yêu cầu tại kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;
- b) Đối với đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, người có nhu cầu lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

c) Đối với đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, người có nhu cầu lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Tổ chức kỹ năng nghề hoặc người có nhu cầu nộp hồ sơ đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp theo 1 trong 3 cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trường hợp nộp trực tiếp, các thành phần hồ sơ nộp ở dạng bản chính hoặc bản chụp đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính, các thành phần hồ sơ nộp ở dạng bản chính hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp đăng ký qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác, đủ điều kiện tiếp nhận, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không đủ điều kiện để cấp, đổi, cấp lại theo quy định tại thông tư này hoặc do các điều kiện khách quan, bất khả kháng khác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

7. Bổ sung Điều 9a như sau:

“Điều 9a. Công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người đạt giải tại hội thi tay nghề quốc gia, ASEAN, thế giới

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp căn cứ kết quả đạt giải/huy chương của thí sinh tại hội thi tay nghề quốc gia, ASEAN, thế giới để thực hiện công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.”.

8. Sửa đổi cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 2 Điều 10.

9. Bỏ cụm từ “công nhận và” tại tên Điều và nội dung của Điều 11.

10. Tại khoản 1 Điều 12, bỏ cụm từ “công nhận và” và sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử <http://vanbang.gdnn.gov.vn>”,

11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 13 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “, báo cáo về quá trình tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá về những hạn chế của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, những thiếu hụt kỹ năng phổ biến của người lao động tham

gia đánh giá và dự kiến về nhu cầu kỹ năng nghề của người lao động trên địa bàn trong thời gian từ 3 - 5 năm tới (nếu có) về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 14 như sau:

a) Tại tên Điều 14, sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “quy định các biểu mẫu báo cáo, sổ sách quản lý nghiệp vụ liên quan đến cấp, đổi, cấp lại” bằng cụm từ “thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp, đổi, cấp lại hoặc bị hủy bỏ, thu hồi”;

c) Tại khoản 4, bổ sung cụm từ “và tìm kiếm thông tin trên môi trường mạng” sau cụm từ “việc xử lý, tra cứu”.

13. Sửa đổi một số nội dung của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi nội dung khoản 1 như sau:

“1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của Ban giám khảo theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”;

b) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “công nhận và” và bổ sung cụm từ “căn cước công dân hoặc” trước cụm từ “chứng minh nhân dân”.

14. Sửa đổi một số nội dung của Điều 17 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Tổng cục Dạy nghề” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp”;

b) Tại khoản 2, bỏ cụm từ “công nhận và”.

15. Thay thế Phụ lục 01 của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Thay thế Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH tương ứng bằng Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH như sau:

- a) Bãi bỏ Mẫu 01;
- b) Thay thế Mẫu 02 và Mẫu 03 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH tương ứng bằng Mẫu 01 và Mẫu 02 của Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Bãi bỏ Điều 5.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH)

1. Sửa đổi cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại” bằng cụm từ “Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, cấp lại, cấp đổi” tại nội dung của Điều 5.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 6 như sau:

a) Tại khoản 1, sửa đổi cụm từ “Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 31/2015/NĐ-CP)” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP)”;

b) Tại điểm c khoản 1, sửa đổi cụm từ “khoản 2 Điều 3 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “khoản 1 Điều 3 Nghị định 140/2018/NĐ-CP”;

c) Tại khoản 2, sửa đổi cụm từ “Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP”;

d) Tại điểm b khoản 2, bỏ cụm từ “ quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP”.

3. Tại Điều 7, sửa đổi cụm từ “hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại” bằng cụm từ “hồ sơ đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi” và sửa đổi cụm từ “tờ khai đề nghị cấp, cấp lại” bằng cụm từ “tờ khai đề nghị cấp; cấp lại, cấp đổi” tại tên Điều và nội dung của Điều.